

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1**  
(Tên trước đây là Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Sứ Trẻ)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**  
**CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017**

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1**  
(Tên trước đây là Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Sứ Trẻ)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**  
**CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017**

<b>NỘI DUNG</b>	<b>TRANG</b>
Thông tin về doanh nghiệp	1
Báo cáo của Chủ tịch Hội đồng Quản trị	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3
Bảng cân đối kế toán riêng (Mẫu số B 01 – DN)	5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng (Mẫu số B 02 – DN)	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng (Mẫu số B 03 – DN)	8
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng (Mẫu số B 09 – DN)	9

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1**  
(Tên trước đây là Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Sứ Trẻ)

**THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP**

**Giấy chứng nhận  
đăng ký doanh nghiệp**

Số 0304592171 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 12 tháng 9 năm 2006 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 20 ngày 2 tháng 2 năm 2018.

**Hội đồng Quản trị**

Ông Nguyễn Ảnh Nhượng Tống  
Ông Đào Phúc Trí  
Ông Hoàng Đức Trung

Chủ tịch  
Thành viên  
Thành viên

**Ban Giám đốc**

Ông Đào Phúc Trí  
Ông Võ Thái Phong

Tổng Giám đốc  
Giám đốc Tài chính

**Người đại diện  
theo pháp luật**

Ông Nguyễn Ảnh Nhượng Tống

Chủ tịch

**Trụ sở chính**

Tầng 1, Tòa nhà Mplaza Saigon, 39 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé,  
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

**Công ty kiểm toán**

Công ty TNHH PwC (Việt Nam).

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1**  
(Tên trước đây là Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Sứ Trẻ)

**TRÁCH NHIỆM CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Chủ tịch Hội đồng Quản trị ("HĐQT") của Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1 (tên trước đây là Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Sứ Trẻ) ("Công ty") chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng này, Chủ tịch HĐQT được yêu cầu phải:

- chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở đơn vị hoạt động liên tục trừ giả định đơn vị hoạt động liên tục là không phù hợp.

Chủ tịch HĐQT của Công ty chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính riêng của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo chế độ kế toán được trình bày ở Thuyết minh 2 của báo cáo tài chính riêng. Chủ tịch HĐQT của Công ty cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để ngăn ngừa và phát hiện các gian lận và các sai sót khác.

**PHÊ CHUẨN BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Theo đây, tôi phê chuẩn báo cáo tài chính riêng đính kèm từ trang 5 đến trang 40. Báo cáo tài chính riêng này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng của Công ty nên đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (gọi chung là "Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 để có đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn.



Nguyễn Ánh Nhượng Tổng  
Chủ tịch HĐQT

Thành phố Hồ Chí Minh, nước CHXHCN Việt Nam  
Ngày 9 tháng 4 năm 2018

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP GỬI CÁC CỔ ĐÔNG CỦA  
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1  
(Tên trước đây là Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Sứ Trẻ)**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1 (tên trước đây là Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Sứ Trẻ) ("Công ty") được lập ngày 31 tháng 12 năm 2017 và được Chủ tịch Hội đồng Quản trị ("HĐQT") phê duyệt ngày 9 tháng 4 năm 2018. Báo cáo tài chính riêng này bao gồm: bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, và thuyết minh báo cáo tài chính riêng bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu từ trang 5 đến trang 40.

**Trách nhiệm của Chủ tịch HĐQT đối với báo cáo tài chính riêng**

Chủ tịch HĐQT của Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Chủ tịch Hội đồng Quản trị xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng này dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Chủ tịch HĐQT cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

### Thay mặt và đại diện cho Công ty TNHH PwC (Việt Nam)



Mai Việt Hùng Trần  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:  
0048-2018-006-1  
Chữ ký được ủy quyền

Số hiệu báo cáo kiểm toán: HCM7200  
TP. Hồ Chí Minh, ngày 9 tháng 4 năm 2018



Cao Thị Ngọc Loan  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:  
3030-2017-006-1

Như đã nêu trong Thuyết minh 2.1 của báo cáo tài chính riêng, báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm mục đích phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán đã được thừa nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước CHXHCN Việt Nam, và hơn nữa, cũng không dành cho những người sử dụng nào không biết các nguyên tắc, các thủ tục và các thông lệ kế toán Việt Nam.

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG**

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
			2017 VND	2016 VND
<b>100</b>	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>171.687.624.732</b>	<b>198.116.300.538</b>
<b>110</b>	<b>Tiền</b>	<b>3</b>	<b>10.082.225.490</b>	<b>1.685.012.010</b>
111	Tiền		10.082.225.490	1.685.012.010
<b>120</b>	<b>Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		<b>33.973.712.550</b>	<b>21.276.667.164</b>
123	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	4(a)	33.973.712.550	21.276.667.164
<b>130</b>	<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>112.685.085.995</b>	<b>149.105.656.046</b>
131	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	51.516.276.519	102.669.380.999
132	Trả trước cho người bán ngắn hạn		7.486.963.226	9.634.103.741
136	Phải thu ngắn hạn khác	6(a)	53.681.846.250	36.802.171.306
<b>140</b>	<b>Hàng tồn kho</b>	<b>7</b>	<b>13.900.813.659</b>	<b>22.363.211.349</b>
141	Hàng tồn kho		14.378.359.114	22.840.756.804
149	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(477.545.455)	(477.545.455)
<b>150</b>	<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>1.045.787.038</b>	<b>3.685.753.969</b>
151	Chi phí trả trước ngắn hạn	8(a)	1.045.787.038	3.683.088.357
152	Thuế GTGT được khấu trừ		-	2.665.612

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 40 là một phần cấu thành báo cáo tài chính riêng này.

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG**  
(tiếp theo)

Mã số	TÀI SẢN (tiếp theo)	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
			2017 VND	2016 VND
<b>200</b>	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>249.323.375.281</b>	<b>128.816.949.496</b>
<b>210</b>	<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>66.963.268.275</b>	<b>18.642.098.435</b>
215	Phải thu về cho vay dài hạn	9	35.864.555.647	-
216	Phải thu dài hạn khác	6(b)	31.098.712.628	18.642.098.435
<b>220</b>	<b>Tài sản cố định</b>		<b>7.651.215.097</b>	<b>8.038.858.063</b>
221	Tài sản cố định hữu hình	10(a)	1.035.704.367	1.363.270.461
222	Nguyên giá		4.042.981.410	4.042.981.410
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(3.007.277.043)	(2.679.710.949)
227	Tài sản cố định vô hình	10(b)	6.615.510.730	6.675.587.602
228	Nguyên giá		7.024.382.154	7.024.382.154
229	Giá trị khấu hao lũy kế		(408.871.424)	(348.794.552)
<b>240</b>	<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>115.475.000</b>	<b>2.362.499.998</b>
242	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	115.475.000	2.362.499.998
<b>250</b>	<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>		<b>155.458.678.127</b>	<b>64.013.795.261</b>
251	Đầu tư vào công ty con	4(b)	155.208.009.115	63.763.126.249
252	Đầu tư vào công ty liên kết	4(c)	400.000.000	400.000.000
254	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	4(c)	(149.330.988)	(149.330.988)
<b>260</b>	<b>Tài sản dài hạn khác</b>		<b>19.134.738.782</b>	<b>35.759.697.739</b>
261	Chi phí trả trước dài hạn	8(b)	17.877.814.200	35.595.250.890
262	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	17	806.924.582	164.446.849
268	Tài sản dài hạn khác		450.000.000	-
<b>270</b>	<b>TỔNG TÀI SẢN</b>		<b>421.011.000.013</b>	<b>326.933.250.034</b>

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 40 là một phần cấu thành báo cáo tài chính riêng này.



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1**  
(Tên trước đây là Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Sứ Trẻ)

Mẫu số B 01 – DN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG**  
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
			2017 VND	2016 VND
<b>300</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>140.842.652.239</b>	<b>222.825.753.350</b>
<b>310</b>	<b>Nợ ngắn hạn</b>		<b>110.783.000.239</b>	<b>199.368.101.350</b>
311	Phải trả người bán ngắn hạn	12	45.061.536.618	81.611.927.439
312	Người mua trả tiền trước ngắn hạn		1.153.795.164	1.660.608.272
313	Thuế và các khoản phải nộp ngân sách Nhà nước	13	2.948.668.176	5.548.199.349
315	Chi phí phải trả ngắn hạn	14	3.853.255.163	5.668.259.906
319	Phải trả ngắn hạn khác	15	19.475.652.305	52.801.741.235
320	Vay ngắn hạn	16(a)	38.290.092.813	52.077.365.149
<b>330</b>	<b>Nợ dài hạn</b>		<b>30.059.652.000</b>	<b>23.457.652.000</b>
337	Phải trả dài hạn khác		59.652.000	59.652.000
338	Vay dài hạn	16(b)	30.000.000.000	23.398.000.000
<b>400</b>	<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>280.168.347.774</b>	<b>104.107.496.684</b>
<b>410</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>		<b>280.168.347.774</b>	<b>104.107.496.684</b>
411	Vốn góp của chủ sở hữu	18, 19	238.000.000.000	100.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		238.000.000.000	100.000.000.000
412	Thặng dư vốn cổ phần	19	24.115.560.000	115.560.000
421	Lợi nhuận sau thuế ("LNST") chưa phân phối	19	18.052.787.774	3.991.936.684
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế của các năm trước		-	-
421b	- LNST chưa phân phối năm nay		18.052.787.774	3.991.936.684
<b>440</b>	<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>		<b>421.011.000.013</b>	<b>326.933.250.034</b>

Trần Thị Lào  
Kế toán trưởng/Người lập

Võ Thái Phong  
Giám đốc Tài chính

Nguyễn Ánh Nhượng Tổng  
Chủ tịch HĐQT  
Ngày 9 tháng 4 năm 2018



Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 40 là một phần cấu thành báo cáo tài chính riêng này.

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG**

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
		2017 VND	2016 VND
01	<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>126.768.211.473</b>	<b>268.851.537.516</b>
02	Các khoản giảm trừ doanh thu	(973.331.842)	(3.072.817.054)
10	<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>125.794.879.631</b>	<b>265.778.720.462</b>
11	<b>Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp</b>	<b>(74.749.942.786)</b>	<b>(196.950.969.781)</b>
20	<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>51.044.936.845</b>	<b>68.827.750.681</b>
21	Doanh thu hoạt động tài chính	43.671.539.271	12.752.571.265
22	Chi phí tài chính	(15.517.060.899)	(9.620.182.336)
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay	(13.568.689.832)	(9.358.682.336)
25	Chi phí bán hàng	(27.265.292.034)	(21.455.560.568)
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	(19.994.325.960)	(27.247.808.289)
30	<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>31.939.797.223</b>	<b>23.256.770.753</b>
31	Thu nhập khác	-	173.670.908
32	Chi phí khác	(84.393.850)	(368.066.416)
40	<b>Lỗ khác</b>	<b>(84.393.850)</b>	<b>(194.395.508)</b>
50	<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>31.855.403.373</b>	<b>23.062.375.245</b>
51	Chi phí thuế TNDN hiện hành	(217.030.016)	(3.040.722.060)
52	Thu nhập/(chi phí) thuế TNDN hoãn lại	642.477.733	(25.711.558)
60	<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	<b>32.280.851.090</b>	<b>19.995.941.627</b>

Trần Thị Lào  
Kế toán trưởng/Người lập

Võ Thái Phong  
Giám đốc Tài chính

Nguyễn Ánh Nhượng Tổng  
Chủ tịch HĐQT  
Ngày 9 tháng 4 năm 2018



Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 40 là một phần cấu thành báo cáo tài chính riêng này.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1**  
(Tên trước đây là Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Sứ Trè)

Mẫu số B 03 – DN

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG**  
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
		2017 VND	2016 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>01</b>	<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>31.855.403.373</b>	<b>23.062.375.245</b>
	Điều chỉnh cho các khoản:		
02	Khấu hao tài sản cố định ("TSCĐ")	387.642.966	579.601.603
05	Lãi từ hoạt động đầu tư	(43.671.539.271)	(12.734.093.228)
06	Chi phí lãi vay	13.568.689.832	9.358.682.336
<b>08</b>	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>2.140.196.900</b>	<b>20.266.565.956</b>
09	Giảm/(tăng) các khoản phải thu	48.451.630.712	(3.707.610.568)
10	Giảm/(tăng) hàng tồn kho	8.462.397.690	(15.490.922.923)
11	(Giảm)/tăng các khoản phải trả	(81.556.865.860)	39.570.356.170
12	Giảm/(tăng) chi phí trả trước	22.717.238.007	(23.304.880.472)
14	Tiền lãi vay đã trả	(11.433.843.568)	(14.130.501.736)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(3.040.722.061)	-
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>(14.259.968.180)</b>	<b>3.203.006.427</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Chi để mua sắm và xây dựng TSCĐ	(115.475.000)	(131.250.000)
23	Chi cho vay đơn vị khác	(63.973.712.550)	-
24	Thu hồi cho vay đơn vị khác	21.276.667.164	36.511.859.282
25	Chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	(83.997.000.000)	(3.780.000.000)
26	Thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	6.231.561
27	Thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	12.871.974.382	19.727.025.163
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>(113.937.546.004)</b>	<b>52.333.866.006</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
31	Thu từ phát hành cổ phiếu	30.000.000.000	-
32	Mua lại cổ phiếu đã phát hành	-	(5.242.217.851)
33	Thu từ vay ngắn hạn, dài hạn	297.250.681.534	138.029.116.271
34	Chi trả nợ gốc vay	(190.655.953.870)	(185.975.077.399)
36	Chi trả cổ tức cho cổ đông	-	(4.000.000.000)
<b>40</b>	<b>Lưu chuyển thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>136.594.727.664</b>	<b>(57.188.178.979)</b>
<b>50</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>8.397.213.480</b>	<b>(1.651.306.546)</b>
<b>60</b>	<b>Tiền đầu năm</b>	<b>3</b>	<b>1.685.012.010</b>
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	-	-
<b>70</b>	<b>Tiền cuối năm</b>	<b>3</b>	<b>1.685.012.010</b>

Trần Thị Lào  
Kế toán trưởng/Người lập

Võ Thái Phong  
Giám đốc Tài chính

Nguyễn Ảnh Nhượng Tống  
Chủ tịch HĐQT  
Ngày 9 tháng 4 năm 2018

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 40 là một phần cấu thành báo cáo tài chính riêng này.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**  
**CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017**

**1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1 (tên trước đây là Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Sứ Trẻ) (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0304592171 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 12 tháng 9 năm 2006. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mới nhất thay đổi lần thứ 20 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 2 tháng 2 năm 2018.

Hoạt động chính của Công ty bao gồm quảng cáo, hoạt động sáng tác, nghệ thuật, giải trí; sản xuất và phát hành phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình.

Chu kỳ kinh doanh bình thường của Công ty là trong vòng 12 (mười hai) tháng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty có 393 nhân viên (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 347 nhân viên).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty có 9 công ty con sở hữu trực tiếp, 4 công ty con sở hữu gián tiếp và 1 công ty liên kết (ngày 31 tháng 12 năm 2016: 6 công ty con sở hữu trực tiếp, và 1 công ty liên kết) như được trình bày trong Thuyết minh 4 - Đầu tư tài chính.

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

**2.1 Cơ sở của việc lập báo cáo tài chính riêng**

Báo cáo tài chính riêng đã được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng. Báo cáo tài chính riêng được lập theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán sử dụng tại nước Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

Ngoài ra, Công ty cũng đã soạn lập báo cáo tài chính hợp nhất cho Công ty và các công ty con (“Tập đoàn”) theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán (Doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong báo cáo tài chính hợp nhất, các công ty con là những công ty mà Tập đoàn kiểm soát các chính sách hoạt động và tài chính, đã được hợp nhất đầy đủ.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng của Công ty nên đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 để có đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của cả Tập đoàn.

**2.2 Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

## **2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

### **2.3 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán và được trình bày trên báo cáo tài chính riêng là Đồng Việt Nam (“VND” hoặc “đồng”).

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán lần lượt được quy đổi theo tỷ giá mua và tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch áp dụng tại ngày bảng cân đối kế toán. Các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng tại ngày của bảng cân đối kế toán được quy đổi theo tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

### **2.4 Tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

### **2.5 Khoản phải thu khách hàng**

Các khoản phải thu khách hàng được thể hiện theo giá trị ghi trên hóa đơn gốc trừ dự phòng các khoản phải thu khó đòi được ước tính dựa trên việc rà soát của Chủ tịch HĐQT đối với tất cả các khoản còn chưa thu tại thời điểm cuối năm. Các khoản nợ được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

### **2.6 Hàng tồn kho**

#### **(a) Chương trình truyền hình**

Chương trình truyền hình được ghi nhận là hàng tồn kho được thể hiện theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được xác định trên cơ sở thực tế đích danh và bao gồm tất cả các chi phí mua, chi phí hậu cần để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Chương trình truyền hình được ghi nhận vào giá vốn hàng bán theo nguyên tắc số dư giảm dần dựa vào số lần phát sóng.

#### **(b) Hàng hóa**

Hàng hóa được thể hiện theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được xác định trên cơ sở nhập trước xuất trước và bao gồm tất cả các chi phí mua và chi phí khác để có thể có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

#### **(c) Dự phòng**

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc phát sóng chương trình. Dự phòng được lập cho hàng tồn kho bị lỗi thời và chậm lưu chuyển.

## **2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

### **2.7 Đầu tư**

#### **(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Chủ tịch HĐQT của Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng giảm giá đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được lập trên cơ sở có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được.

#### **(b) Đầu tư vào công ty con**

Công ty con là những doanh nghiệp mà Công ty có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp, thường đi kèm là việc nắm giữ hơn một nửa quyền biểu quyết. Sự tồn tại và tính hữu hiệu của quyền biểu quyết tiềm tàng đang được thực thi hoặc được chuyển đổi sẽ được xem xét khi đánh giá liệu Công ty có quyền kiểm soát doanh nghiệp hay không.

Đầu tư vào công ty con được hạch toán theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi có sự giảm giá trị của các khoản đầu tư.

#### **(c) Đầu tư vào công ty liên kết**

Công ty liên kết là công ty trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải kiểm soát, thường được thể hiện thông qua việc nắm giữ từ 20% đến 50% quyền biểu quyết ở công ty đó.

Đầu tư vào công ty liên kết được hạch toán theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi có sự giảm giá trị của các khoản đầu tư.

### **2.8 Tài sản cố định**

*Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình*

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá trừ khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua tài sản cố định.

*Khấu hao*

Tài sản cố định khấu hao theo phương pháp đường thẳng để giảm dần nguyên giá tài sản trong suốt thời gian hữu dụng ước tính. Các tỷ lệ khấu hao chủ yếu hàng năm như sau:

Phương tiện vận tải và truyền dẫn	10% – 17%
Máy móc thiết bị	20% – 33%
Bảng sáng chế	2%

Quyền sử dụng đất không thời hạn được ghi nhận theo giá gốc và không khấu hao.

*Thanh lý*

Lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý nhượng bán tài sản cố định được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

## **2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

### **2.9 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng và chủ yếu là chi phí đầu tư, phát triển dự án kênh truyền hình, thiết bị đã đưa vào sử dụng và cải tạo văn phòng. Chi phí này được ghi nhận theo giá gốc và được kết chuyển vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

### **2.10 Nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được phân loại dựa vào tính chất bao gồm:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng.

### **2.11 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đối với hoạt động xây dựng hoặc sản xuất bất kỳ tài sản đủ tiêu chuẩn sẽ được vốn hóa trong thời gian mà các tài sản này được hoàn thành và chuẩn bị đưa vào sử dụng. Chi phí đi vay khác được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

### **2.12 Các khoản vay**

Các khoản vay có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập báo cáo tài chính riêng được phân loại là vay dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập báo cáo tài chính riêng được phân loại lại là vay ngắn hạn để có kế hoạch chi trả. Các chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến khoản vay (ngoài lãi vay phải trả), như chi phí thẩm định, kiểm toán, lập hồ sơ vay vốn... được hạch toán vào chi phí tài chính. Trường hợp các chi phí này phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo chính sách kế toán nêu tại Thuyết minh 2.11.

### **2.13 Trái phiếu chuyển đổi**

Trái phiếu chuyển đổi là loại trái phiếu có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông của cùng một tổ chức phát hành theo các điều kiện đã được xác định trong phương án phát hành.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty tính toán và xác định riêng biệt giá trị cấu phần nợ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi theo phương pháp lãi suất thực tế. Phần nợ gốc được ghi nhận là nợ phải trả; cấu phần vốn (quyền chọn cổ phiếu) được ghi nhận là vốn chủ sở hữu. Sau ghi nhận ban đầu, định kỳ Công ty ghi nhận lãi trái phiếu theo lãi suất thực tế. Các chi phí phát hành trái phiếu khi phát sinh được ghi giảm phần nợ gốc, định kỳ phân bổ vào chi phí tài chính/vốn hóa theo phương pháp đường thẳng.

Khi đáo hạn, cấu phần vốn là giá trị quyền chọn cổ phiếu được chuyển sang ghi nhận là thặng dư vốn cổ phần mà không phụ thuộc vào việc người nắm giữ trái phiếu có thực hiện quyền chọn chuyển đổi thành cổ phiếu hay không.

## **2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

### **2.14 Chi phí phải trả**

Bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của kỳ báo cáo.

### **2.15 Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi: Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại, pháp lý hoặc liên đới, phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra; sự giảm sút những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ; và giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí đi vay.

### **2.16 Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp cổ phần của các cổ đông được ghi nhận theo số thực tế góp của cổ đông và được phản ánh theo mệnh giá của cổ phiếu.

Thặng dư vốn cổ phần là khoản chênh lệch giữa vốn góp theo mệnh giá cổ phiếu với giá thực tế phát hành cổ phiếu; chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và được mua lại bởi chính Công ty, nhưng chưa bị huỷ bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh lũy kế sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty tại thời điểm báo cáo.

### **2.17 Phân chia lợi nhuận thuần**

#### **(a) Chia cổ tức**

Cổ tức của Công ty được ghi nhận là một khoản phải trả trong báo cáo tài chính riêng của kỳ kế toán khi cổ tức được thông qua tại Đại hội đồng Cổ đông.

#### **(b) Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích lập từ lợi nhuận thuần của Công ty và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ này được trích lập nhằm khen thưởng và khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho cán bộ, công nhân viên.



## **2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

### **2.18 Ghi nhận doanh thu**

#### **(a) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu không được ghi nhận khi có yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu được tiền bán hàng hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu được ghi nhận phù hợp với bản chất hơn hình thức và được phân bổ theo nghĩa vụ cung ứng hàng hóa. Trường hợp Công ty dùng thành phẩm, hàng hóa để khuyến mãi cho khách hàng kèm theo điều kiện mua hàng của Công ty thì Công ty phân bổ số tiền thu được để tính doanh thu cho cả hàng khuyến mãi và giá trị hàng khuyến mãi được tính vào giá vốn hàng bán.

#### **(b) Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi dịch vụ đã được cung cấp, bằng cách tính mức độ hoàn thành của từng giao dịch, dựa trên cơ sở đánh giá tỉ lệ dịch vụ đã cung cấp so với tổng khối lượng dịch vụ phải cung cấp. Doanh thu cung cấp dịch vụ chỉ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn bốn điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

#### **(c) Thu nhập lãi**

Thu nhập lãi được ghi nhận khi được hưởng.

#### **(d) Thu nhập từ cổ tức**

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi Công ty xác lập quyền nhận cổ tức từ các đơn vị đầu tư.

### **2.19 Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ**

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ chủ yếu bao gồm chi phí thuê đường truyền phát sóng, chi phí hợp tác chia sẻ hoạt động quảng cáo, chi phí sản xuất chương trình và được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

### **2.20 Chi phí tài chính**

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính phát sinh trong năm chủ yếu bao gồm chi phí lãi vay, chiết khấu thanh toán, lỗ tỷ giá hối đoái chưa thực hiện và lỗ tỷ giá hối đoái đã thực hiện.

## **2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

### **2.21 Chi phí bán hàng**

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình cung cấp dịch vụ, chủ yếu bao gồm: chi phí nghiên cứu thị trường, chi phí khấu hao tài sản cố định dùng cho bộ phận bán hàng và chi phí tiếp khách.

### **2.22 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của Công ty, chủ yếu bao gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý, công cụ lao động, khấu hao tài sản cố định sử dụng trong văn phòng và các chi phí dịch vụ, tiện ích khác.

### **2.23 Thuế thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”) hiện hành và thuế TNDN hoãn lại**

Thuế TNDN bao gồm toàn bộ số thuế thu nhập tính trên thu nhập chịu thuế TNDN, kể cả các khoản thu nhập nhận được từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa dịch vụ tại nước ngoài mà Việt Nam chưa ký hiệp định về tránh đánh thuế hai lần. Chi phí thuế thu nhập bao gồm chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp hoặc thu hồi được tính trên thu nhập chịu thuế theo thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện hành. Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng kỳ hay một kỳ khác.

Thuế TNDN hoãn lại được tính đầy đủ, sử dụng phương thức công nợ, tính trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục này. Thuế TNDN hoãn lại không được ghi nhận khi nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không phải là giao dịch sáp nhập doanh nghiệp, không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế thu nhập tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thuế TNDN hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong niên độ mà tài sản được thu hồi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của bảng cân đối kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi có khả năng sẽ có lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

### **2.24 Các bên liên quan**

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những cá nhân quản lý chủ chốt bao gồm Giám đốc Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, Công ty căn cứ vào bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1**  
(Tên trước đây là Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Sứ Trẻ)

Mẫu số B 09 – DN

**3 TIỀN**

	<b>2017</b> <b>VND</b>	<b>2016</b> <b>VND</b>
Tiền mặt	289.419.072	135.174.747
Tiền gửi ngân hàng	9.792.806.418	1.549.837.263
	<u>10.082.225.490</u>	<u>1.685.012.010</u>

**4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

**(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	<b>2017</b>		<b>2016</b>	
	<u>Giá gốc VND</u>	<u>Giá trị ghi sổ VND</u>	<u>Giá gốc VND</u>	<u>Giá trị ghi sổ VND</u>
Tiền gửi ngân hàng (*)	<u>33.973.712.550</u>	<u>33.973.712.550</u>	<u>21.276.667.164</u>	<u>21.276.667.164</u>

(\*) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn chủ yếu bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn trên ba tháng đến dưới một năm và hưởng lãi suất từ 5% đến 6%/năm. Các khoản tiền gửi này đã được dùng làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn của Công ty (Thuyết minh 16).

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1**  
(Tên trước đây là Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Sứ Trẻ)

Mẫu số B 09 – DN

**4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**(b) Đầu tư vào công ty con**

Số thứ tự	Công ty	Hoạt động chính	2017				2016			
			Quyền sở hữu và biểu quyết %	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Quyền sở hữu và biểu quyết %	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
1	Công ty Cổ phần Giải trí Yeah1 (tên trước đây là Công ty Cổ phần Giải trí Đại Sứ Trẻ)	Quảng cáo, sản xuất chương trình truyền hình	99	29.700.000.000	(*)	-	99	29.700.000.000	(*)	-
2	Công ty Cổ phần Phát triển Thương hiệu Yeah1 (tên trước đây là Công ty Cổ phần Phát triển Thương hiệu Đại Sứ Trẻ)	Quảng cáo, thiết kế website	99	2.334.126.249	(*)	-	90	2.334.126.249	(*)	-
3	Công ty Cổ phần Giải trí Rồng	Quảng cáo, sản xuất phim	99	9.900.000.000	(*)	-	99	9.900.000.000	(*)	-
4	Công ty Cổ phần NVU	Quảng cáo, sản xuất chương trình truyền hình	90	5.425.000.000	(*)	-	77,78	5.425.000.000	(*)	-
5	Công ty Cổ phần Thương mại Thế giới Film	Sản xuất phim, viễn thông và quảng cáo	72,75	11.304.000.000	(*)	-	72,75	11.304.000.000	(*)	-
6	Công ty Cổ Phần Đầu tư Và Sản xuất Phim Yeah1 (tên trước đây là Công ty Cổ Phần Đầu tư Và Sản xuất Phim Đại Sứ Trẻ)	Sản xuất phim, viễn thông và quảng cáo	62,69	5.100.000.000	(*)	-	62,96	5.100.000.000	(*)	-
7	Công ty Cổ phần Truyền thông Trực tuyến NetLink	Các hoạt động sáng tạo, nghệ thuật và giải trí	51	86.344.882.866	(*)	-	-	-	(*)	-
8	Công ty Cổ phần Truyền thông ON+	Quảng cáo	51	5.100.000.000	(*)	-	-	-	(*)	-
9	Công ty Cổ phần SBM	Hoạt động hậu kỳ, chiếu phim, ghi âm và xuất bản âm nhạc	85	-	(*)	-	-	-	(*)	-
				<u>155.208.009.115</u>				<u>63.763.126.249</u>		

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1**  
(Tên trước đây là Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Sứ Trẻ)

Mẫu số B 09 – DN

**4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**(b) Đầu tư vào các công ty con (tiếp theo)**

(\*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty không có thông tin về giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này do các công ty này chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán. Tuy nhiên, Chủ tịch HĐQT tin tưởng rằng giá trị hợp lý của các công ty con trên cao hơn giá gốc của các khoản đầu tư.

Ngoài ra, Công ty có các công ty con gián tiếp như sau:

STT	Công ty	Hoạt động chính	Nơi thành lập, đăng ký hoạt động	Quyền sở hữu %	Quyền biểu quyết năm giữ %
1	Công ty TNHH Quảng cáo Truyền thông TNT	Quảng cáo, tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại, hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình, hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí.	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	50,49	50,49
2	Công ty Yeah1 Network Pte. Ltd.	Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình, hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí.	Singapore	89,10	89,10
3	Công ty TNHH Yeah1 Network Việt Nam	Quảng cáo, nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	90,09	90,09
4	Công ty Netlink Online Corporation (*)	Sản xuất phim, viễn thông và quảng cáo	Seychelles	51	51

(\*) Tại ngày phê duyệt báo cáo tài chính riêng này, Công ty đang trong quá trình hoàn tất thủ tục hồ sơ đầu tư ra nước ngoài cho công ty Netlink Online Corporation.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1**  
(Tên trước đây là Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Sứ Trẻ)

Mẫu số B 09 – DN

**4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**(c) Đầu tư vào công ty liên kết**

Công ty liên kết	Hoạt động chính	2017			2016				
		Quyền sở hữu và biểu quyết %	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Quyền sở hữu và biểu quyết %	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
Công ty Cổ phần Tin học và Truyền thông Kết Nối Trẻ	Sản xuất phim, viễn thông và quảng cáo	40	<u>400.000.000</u>	(*)	<u>(149.330.988)</u>	40,00	<u>400.000.000</u>	(*)	<u>(149.330.988)</u>

(\*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty không có thông tin về giá trị hợp lý của khoản đầu tư này do công ty này chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán. Tuy nhiên, Chủ tịch HĐQT tin tưởng rằng giá trị hợp lý của các công ty con trên cao hơn giá gốc của khoản đầu tư.

**5 PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	<b>2017</b> <b>VND</b>	<b>2016</b> <b>VND</b>
<b>Bên thứ ba</b>		
Công ty TNHH Truyền thông WPP	3.120.711.076	2.994.531.217
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Tân Hiệp Phát	1.828.181.627	-
Công ty Dược phẩm Hoa Thiên Phú	1.003.098.030	-
Công ty Liên doanh TNHH Saatchi & Saatchi Việt Nam	-	4.358.680.000
Công ty Cổ phần Truyền thông Đất Việt VAC	-	3.976.445.114
Khác	1.067.249.529	14.355.641.814
<b>Bên liên quan (Thuyết minh 30(b))</b>	<b>44.497.036.257</b>	<b>76.984.082.854</b>
	<u><u>51.516.276.519</u></u>	<u><u>102.669.380.999</u></u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty đã sử dụng khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng từ bên thứ ba để làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn ngân hàng của Công ty (Thuyết minh 16).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty không có khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng nào quá hạn hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi.

**6 PHẢI THU KHÁC**

**(a) Ngắn hạn**

	<b>2017</b> <b>VND</b>	<b>2016</b> <b>VND</b>
Phải thu cổ tức	34.629.069.406	8.582.080.212
Cho bên liên quan vay không lãi suất	2.536.778.834	5.833.981.313
Phải thu từ hoạt động chương trình	819.909.876	4.085.304.711
Lợi nhuận được chia từ hợp tác kinh doanh	2.806.543.782	2.806.543.782
Tạm ứng cho nhân viên	143.257.396	3.930.064.961
Phải thu khác từ bên liên quan	7.135.444.353	7.252.862.050
Các khoản phải thu khác	5.610.842.603	4.311.334.277
	<u><u>53.681.846.250</u></u>	<u><u>36.802.171.306</u></u>
<b>Trong đó:</b>		
Bên liên quan (Thuyết minh 30(b))	49.240.102.479	26.069.262.721
Bên thứ ba	4.441.743.771	10.732.908.585
	<u><u>53.681.846.250</u></u>	<u><u>36.802.171.306</u></u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1**  
(Tên trước đây là Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Sứ Trẻ)

Mẫu số B 09 – DN

**6 PHẢI THU KHÁC (tiếp theo)**

**(b) Dài hạn**

	<b>2017</b>	<b>2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Hợp đồng hợp tác kinh doanh (*)	17.500.000.000	17.500.000.000
Tiền đặt cọc thuê mặt bằng	1.422.000.300	1.142.098.435
Tiền đặt cọc khác (**)	8.000.000.000	-
Lãi phải thu cho bên liên quan vay (Thuyết minh 30(b))	4.176.712.328	-
	<u>31.098.712.628</u>	<u>18.642.098.435</u>

(\*) Đây là hợp đồng hợp tác kinh doanh về đầu tư, xây dựng và kinh doanh dự án Hùng Vương Square tại số 100 Hùng Vương, Phường 9, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh giữa Công ty và chủ đầu tư là Công ty Tân An Đông Sài Gòn (trước đây là Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Mai Hương Hương). Tổng giá trị đầu tư dự án là 50.000.000.000 đồng, trong đó, Công ty đồng ý góp 35% tổng mức đầu tư, tương đương 17.500.000.000 đồng và chủ đầu tư đồng ý góp 65% mức đầu tư còn lại, tương đương 32.500.000.000 đồng. Việc phân chia doanh thu sẽ căn cứ vào doanh thu hàng năm của dự án, theo đó, chủ đầu tư đồng ý đảm bảo phân chia doanh thu cho Công ty là 5,5%/năm, dựa trên tổng doanh thu hàng năm trong suốt quá trình hợp tác hoặc tối thiểu 15% trên tổng vốn góp nếu dự án không phát sinh doanh thu. Tại ngày phê duyệt báo cáo tài chính riêng này, Công ty đang tiến hành các thủ tục thanh lý hợp đồng hợp tác kinh doanh này.

(\*\*) Đây là khoản đặt cọc cho Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Việt Nam Trực Tuyến, công ty liên quan, để sử dụng dịch vụ thanh toán điện tử (Thuyết minh 30(b)).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và 31 tháng 12 năm 2016, Công ty không có khoản phải thu khác nào quá hạn hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi.

**7 HÀNG TỒN KHO**

	<b>2017</b>		<b>2016</b>	
	<b>Giá gốc</b>	<b>Dự phòng</b>	<b>Giá gốc</b>	<b>Dự phòng</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chương trình chờ duyệt phát sóng	7.152.727.272	-	1.002.000.000	-
Chương trình đã duyệt phát sóng	-	-	4.504.000.000	-
Hàng hóa	7.225.631.842	(477.545.455)	17.334.756.804	(477.545.455)
	<u>14.378.359.114</u>	<u>(477.545.455)</u>	<u>22.840.756.804</u>	<u>(477.545.455)</u>



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1**  
(Tên trước đây là Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Sứ Trẻ)

Mẫu số B 09 – DN

**8 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

**(a) Ngắn hạn**

	<b>2017</b> <b>VND</b>	<b>2016</b> <b>VND</b>
Công cụ, dụng cụ	66.353.303	609.015.029
Chi phí dịch vụ trả trước	979.433.735	3.074.073.328
	<u>1.045.787.038</u>	<u>3.683.088.357</u>

**(b) Dài hạn**

	<b>2017</b> <b>VND</b>	<b>2016</b> <b>VND</b>
Chi phí đầu tư, phát triển dự án kênh truyền hình	13.636.363.635	27.272.727.267
Công cụ, dụng cụ	228.791.148	2.776.899.975
Chi phí dịch vụ trả trước	4.012.659.417	5.545.623.648
	<u>17.877.814.200</u>	<u>35.595.250.890</u>

Biến động về chi phí trả trước trong năm như sau:

	<b>2017</b> <b>VND</b>	<b>2016</b> <b>VND</b>
Số dư đầu năm	39.278.339.247	15.973.458.775
Tăng	4.512.455.127	41.757.781.555
Phân bổ trong năm	(24.867.193.136)	(18.452.901.083)
Số dư cuối năm	<u>18.923.601.238</u>	<u>39.278.339.247</u>

**9 PHẢI THU VỀ CHO VAY DÀI HẠN**

Đây là các khoản cho vay có kỳ hạn 48 tháng có hạn mức 43.000.000.000 đồng được đảm bảo bằng tiền gửi tiết kiệm của Công ty Cổ phần Việt Nam Trực tuyến có thời hạn 18 tháng với số tiền là 30.000.000.000 đồng tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh và toàn bộ số cổ phần của Ông Võ Thái Phong tại Công ty. Khoản cho vay này có lãi suất 10%/năm (Thuyết minh 30(b)).

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1**  
(Tên trước đây là Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Sứ Trẻ)

Mẫu số B 09 – DN

**10 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH**

**(a) Tài sản cố định hữu hình**

	Phương tiện vận tải VND	Máy móc thiết bị VND	Tổng cộng VND
<b>Nguyên giá</b>			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2017 và ngày 31 tháng 12 năm 2017	3.139.273.635	903.707.775	<b>4.042.981.410</b>
<b>Khấu hao lũy kế</b>			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2017	1.949.285.771	730.425.178	<b>2.679.710.949</b>
Khấu hao trong năm	246.948.996	80.617.098	<b>327.566.094</b>
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017	2.196.234.767	811.042.276	<b>3.007.277.043</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2017	1.189.987.864	173.282.597	<b>1.363.270.461</b>
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017	943.038.868	92.665.499	<b>1.035.704.367</b>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, TSCĐ hữu hình với tổng giá trị còn lại là 1.035.704.367 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 1.363.273.463 đồng) đã được dùng để làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn và dài hạn tại ngân hàng của Công ty (Thuyết minh 16).

Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 1.450.746.637 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 1.011.246.637 đồng).

**(b) Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất VND	Bảng sáng chế VND	Tổng cộng VND
<b>Nguyên giá</b>			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2017 và ngày 31 tháng 12 năm 2017	4.500.000.000	2.524.382.154	7.024.382.154
<b>Khấu hao lũy kế</b>			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2017	-	348.794.552	348.794.552
Khấu hao trong năm	-	60.076.872	60.076.872
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017	-	408.871.424	408.871.424
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2017	4.500.000.000	2.175.587.602	6.675.587.602
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017	4.500.000.000	2.115.510.730	6.615.510.730

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1**  
(Tên trước đây là Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Sứ Trẻ)

Mẫu số B 09 – DN

**11 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	<b>2017</b> <b>VND</b>	<b>2016</b> <b>VND</b>
Chi phí phát triển dự án	115.475.000	2.362.499.998

Biến động chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm như sau:

	<b>2017</b> <b>VND</b>	<b>2016</b> <b>VND</b>
Số dư đầu năm	2.362.499.998	44.374.532.831
Tăng trong năm	115.475.000	131.250.000
Xóa sổ	(2.362.499.998)	-
Kết chuyển vào chi phí trả trước dài hạn	-	(42.143.282.833)
Số dư cuối năm	115.475.000	2.362.499.998

**12 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	<b>2017</b> <b>VND</b>	<b>2016</b> <b>VND</b>
<b>Bên thứ ba</b>		
Công ty TNHH Truyền Hình Kỹ Thuật Số Miền Nam	2.909.499.999	2.909.499.999
Công ty TNHH Rohto-Menthaolatum (Việt Nam)	1.352.397.564	1.928.709.712
Công ty TNHH Thương Mại Và Sản Xuất Hoàng Mai	1.073.824.400	1.073.824.400
Công ty TNHH Truyền thông Đa phương tiện Châu Á	-	10.282.143.612
Tổng Công ty Truyền hình Cáp Việt Nam	-	7.358.231.073
Công ty Cổ phần Hàng Tiêu Dùng Provence	-	2.950.135.757
Bên thứ ba khác	2.320.670.174	1.779.152.707
<b>Bên liên quan (Thuyết minh 30(b))</b>	37.405.144.481	53.330.230.179
	45.061.536.618	81.611.927.439

**13 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC**

	<b>2017</b> <b>VND</b>	<b>2016</b> <b>VND</b>
Thuế giá trị gia tăng ("GTGT")	2.190.591.910	1.935.443.798
Thuế thu nhập doanh nghiệp	182.031.763	3.005.723.808
Các khoản phải nộp khác	576.044.503	607.031.743
	2.948.668.176	5.548.199.349

**13 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC (tiếp theo)**

Tình hình biến động trong năm của Thuế và các khoản khác phải nộp Ngân sách Nhà nước như sau:

	Tại ngày 1.1.2017 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã thực nộp trong năm VND	Tại ngày 31.12.2017 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.005.723.808	217.030.016	(3.040.722.061)	182.031.763
Thuế giá trị gia tăng	1.935.443.798	10.519.330.334	(10.264.182.222)	2.190.591.910
Thuế thu nhập cá nhân	607.031.743	140.979.456	(171.966.696)	576.044.503
Khác	-	3.000.000	(3.000.000)	-
	<u>5.548.199.349</u>	<u>10.880.339.806</u>	<u>(13.479.870.979)</u>	<u>2.948.668.176</u>

**14 CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	2017 VND	2016 VND
Phí trao đổi bản quyền và khai thác quảng cáo	-	3.850.792.898
Lãi vay phải trả	3.465.384.663	1.135.180.599
Khác	387.870.500	682.286.409
	<u>3.853.255.163</u>	<u>5.668.259.906</u>

**15 PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	2017 VND	2016 VND
Bên liên quan (Thuyết minh 30(b))	19.165.187.439	51.033.930.006
Khác	310.464.866	1.767.811.229
	<u>19.475.652.305</u>	<u>52.801.741.235</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1**  
**(Tên trước đây là Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Sứ Trẻ)**

Mẫu số B 09 – DN

**16 CÁC KHOẢN VAY**

**(a) Ngắn hạn**

	<b>Tại ngày 1.1.2017 VND</b>	<b>Tăng VND</b>	<b>Giảm VND</b>	<b>Tại ngày 31.12.2017 VND</b>
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (i)	20.420.058.319	55.590.565.603	(56.720.531.109)	19.290.092.813
Ngân hàng United Overseas Việt Nam (ii)	31.657.306.830	97.880.115.931	(110.537.422.761)	19.000.000.000
	<u>52.077.365.149</u>	<u>153.470.681.534</u>	<u>(167.257.953.870)</u>	<u>38.290.092.813</u>

**(b) Dài hạn**

	<b>Tại ngày 1.1.2017 VND</b>	<b>Tăng VND</b>	<b>Giảm VND</b>	<b>Tại ngày 31.12.2017 VND</b>
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (iii)	-	30.000.000.000	-	30.000.000.000
Trái phiếu phát hành	24.883.000.000	-	(24.883.000.000)	-
Trái phiếu chuyển đổi (iv)	-	113.780.000.000	(113.780.000.000)	-
Chi phí phát hành trái phiếu	(1.485.000.000)	-	1.485.000.000	-
	<u>23.398.000.000</u>	<u>143.780.000.000</u>	<u>(137.178.000.000)</u>	<u>30.000.000.000</u>

**16 CÁC KHOẢN VAY VÀ NỢ (tiếp theo)**

- (i) Đây là khoản vay bằng đồng Việt Nam, có kỳ hạn 1 năm kể từ ngày ký kết hợp đồng với lãi suất được quy định trong từng kế ước nhận nợ. Lãi suất trả chậm được tính trên cơ sở 150% của lãi suất cho vay trong hạn. Khoản vay có tài sản đảm bảo bao gồm: Tài sản cố định là 4 xe ô tô của Công ty; quyền chuyển đổi nợ được quy định trong hợp đồng ký kết giữa Công ty TNHH Truyền thông WPP, Công ty Liên Doanh TNHH Saatchi & Saatchi Việt Nam, Công ty Cổ phần truyền thông TK-L và Công ty Cổ phần truyền thông Đất Việt VAC; bất động sản tại số 826, 828, Đường Suối Cát, Xã Thanh Tuyền, Huyện Dầu Tiếng, Tỉnh Bình Dương.
- (ii) Đây là khoản vay bằng đồng Việt Nam, có kỳ hạn 1 năm kể từ ngày ký kết hợp đồng với hạn mức tín dụng là 2.000.000 Đô la Mỹ và lãi suất cho vay trong kỳ là 3%/năm. Khoản vay có tài sản đảm bảo bao gồm: nghĩa vụ duy trì tài khoản tiền gửi của Công ty tối thiểu bằng 50% giá trị khoản vay mỗi lần giải ngân; tài sản đảm bảo bởi cá nhân với giá trị là 2.000.000 Đô la Mỹ được đảm bảo bởi Ông Nguyễn Ảnh Nhượng Tổng và Ông Đào Phúc Trí.
- (iii) Đây là khoản vay bằng đồng Việt Nam, có kỳ hạn 3 năm kể từ ngày ký kết hợp đồng với lãi suất được quy định trong từng kế ước nhận nợ.
- (iv) Trong năm, Công ty đã phát hành 113.780 trái phiếu chuyển đổi có mệnh giá là 1 triệu đồng/trái phiếu và chịu lãi suất 7%/năm. Theo Nghị quyết Số ĐHĐCĐ3112/NQ-YEG ngày 31 tháng 12 năm 2017, trái phiếu chuyển đổi được mua lại với giá bằng với mệnh giá theo thỏa thuận với chủ sở hữu trái phiếu, bao gồm 68.668.000.000 đồng của Công ty Ancla Asset Limited và 45.512.000.000 đồng của 6 cổ đông lớn của Công ty.

Biến động về trái phiếu chuyển đổi trong năm như sau:

	2017 VND	2016 VND
Số dư đầu năm	-	-
Tăng do phát hành	113.780.000.000	-
Mua lại	(113.780.000.000)	-
Số dư cuối năm	-	-

**17 THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải trả và khi thuế thu nhập hoãn lại có liên quan đến cùng một cơ quan thuế. Chi tiết của tài sản thuế thu nhập hoãn lại như sau:

	<b>2017</b>	<b>2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thu hồi trong vòng 12 tháng	806.924.582	164.446.849

Biến động của tài sản thuế thu nhập hoãn lại trong năm như sau:

	<b>2017</b>	<b>2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Số dư đầu năm	164.446.849	190.158.407
Ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng (Thuyết minh 27)	642.477.733	(25.711.558)
Số dư cuối năm	806.924.582	164.446.849

Tài sản thuế TNDN hoãn lại chủ yếu phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời do việc trích lập dự phòng và các khoản chi phí trả trước.

**18 VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU**

**(a) Số lượng cổ phiếu**

	<b>2017</b>	<b>2016</b>
	<b>Cổ phiếu phổ thông</b>	<b>Cổ phiếu phổ thông</b>
Số lượng cổ phiếu đăng ký	23.800.000	10.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	23.800.000	10.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	23.800.000	10.000.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1**  
(Tên trước đây là Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Sứ Trẻ)

Mẫu số B 09 – DN

**18 VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**

**(b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	<b>2017</b>		<b>2016</b>	
	<b>Cổ phiếu phổ thông</b>	<b>%</b>	<b>Cổ phiếu phổ thông</b>	<b>%</b>
Nguyễn Ảnh Nhượng Tống	9.853.399	41,40%	5.052.017	50,52%
Công ty DFJ VinaCapital Venture Investment Ltd.	8.499.637	35,71%	4.016.824	40,17%
Công ty Ancla Assets Limited	2.973.260	12,49%	-	0,00%
Đào Phúc Trí	1.039.498	4,37%	529.908	5,30%
Cổ đông khác	1.434.206	6,03%	401.251	4,01%
	<b>23.800.000</b>	<b>100,00%</b>	<b>10.000.000</b>	<b>100,00%</b>

**(c) Tình hình biến động của vốn cổ phần**

	<b>Số cổ phiếu Cổ phiếu</b>	<b>Cổ phiếu thường VND</b>	<b>Tổng cộng VND</b>
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	9.750.000	97.500.000.000	<b>97.500.000.000</b>
Cổ phiếu mới phát hành	250.000	2.500.000.000	<b>2.500.000.000</b>
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	10.000.000	100.000.000.000	<b>100.000.000.000</b>
Cổ phiếu mới phát hành	13.800.000	138.000.000.000	<b>138.000.000.000</b>
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017	<b>23.800.000</b>	<b>238.000.000.000</b>	<b>238.000.000.000</b>

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng trên một cổ phiếu.



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1**  
(Tên trước đây là Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Sứ Trẻ)

Mẫu số B 09 – DN

**19 TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU**

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	97.500.000.000	115.560.000	(4.380.000.000)	118.212.908	<b>93.353.772.908</b>
Vốn tăng trong năm	2.500.000.000	-	-	(2.500.000.000)	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	19.995.941.627	<b>19.995.941.627</b>
Chia cổ tức	-	-	-	(4.000.000.000)	<b>(4.000.000.000)</b>
Mua lại cổ phiếu quỹ	-	-	(5.242.217.851)	-	<b>(5.242.217.851)</b>
Tái phát hành cổ phiếu quỹ	-	-	9.622.217.851	(9.622.217.851)	-
<b>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016</b>	<b>100.000.000.000</b>	<b>115.560.000</b>	<b>-</b>	<b>3.991.936.684</b>	<b>104.107.496.684</b>
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	32.280.851.090	<b>32.280.851.090</b>
Chia cổ tức bằng cổ phiếu (i)	18.220.000.000	-	-	(18.220.000.000)	-
Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu (ii)	113.780.000.000	-	-	-	<b>113.780.000.000</b>
Phát hành cổ phiếu cho nhân viên (iii)	6.000.000.000	24.000.000.000	-	-	<b>30.000.000.000</b>
<b>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017</b>	<b>238.000.000.000</b>	<b>24.115.560.000</b>	<b>-</b>	<b>18.052.787.774</b>	<b>280.168.347.774</b>

- (i) Theo Nghị quyết số 2017A.2017/YEG/NQ và Nghị quyết số 2017C.2017/YEG/NQ của Đại hội đồng Cổ đông, Đại hội đồng Cổ đông quyết định tăng vốn điều lệ Công ty từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối của các năm 2016 và 2017.
- (ii) Theo Nghị quyết số 2017A.2017/YEG/NQ của Đại hội đồng Cổ đông, Đại hội đồng Cổ đông quyết định tăng vốn điều lệ Công ty bằng việc phát hành 11.378.000 cổ phần phổ thông với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần cho cổ đông hiện hữu theo số lượng thỏa thuận giữa các cổ đông.
- (iii) Theo Nghị quyết số 2017A.2017/YEG/NQ của Đại hội đồng Cổ đông, Đại hội đồng Cổ đông quyết định tăng vốn điều lệ Công ty bằng việc phát hành 600.000 cổ phần phổ thông với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần với giá phát hành là 50.000 đồng/cổ phần cho cán bộ công nhân viên và đối tác chiến lược.

**20 CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**(a) Ngoại tệ các loại**

Khoản mục tiền và các khoản tương đương tiền đã bao gồm số ngoại tệ 3 Đô la Mỹ và 55 chỉ vàng.

**(b) Cam kết thuê hoạt động**

Mức thanh toán tối thiểu Công ty phải trả trong tương lai cho các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và ngày 31 tháng 12 năm 2016 lần lượt là 71.077.507.184 đồng và 150.813.720.000 đồng (Thuyết minh 31(a)).

**21 DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	<b>2017 VND</b>	<b>2016 VND</b>
<b>Doanh thu</b>		
Doanh thu dịch vụ quảng cáo, kênh truyền hình	117.861.211.472	249.975.031.085
Doanh thu khác	8.907.000.001	18.876.506.431
	<u>126.768.211.473</u>	<u>268.851.537.516</u>
<b>Các khoản giảm trừ</b>		
Chiết khấu thương mại	(973.331.842)	(3.072.817.054)
	<u>125.794.879.631</u>	<u>265.778.720.462</u>

**22 GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	<b>2017 VND</b>	<b>2016 VND</b>
Giá vốn hàng bán và dịch vụ đã cung cấp	<u>74.749.942.786</u>	<u>196.950.969.781</u>

**23 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	<b>2017 VND</b>	<b>2016 VND</b>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	9.040.424.881	1.583.263.016
Cổ tức, lợi nhuận được chia (Thuyết minh 30(a))	34.629.069.406	8.582.080.211
Khác	2.044.984	2.587.228.038
	<u>43.671.539.271</u>	<u>12.752.571.265</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1**  
**(Tên trước đây là Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Sứ Trẻ)**

Mẫu số B 09 – DN

**24 CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	<b>2017</b> <b>VND</b>	<b>2016</b> <b>VND</b>
Lãi tiền vay	13.568.689.832	9.358.682.336
Khác	1.948.371.067	261.500.000
	<u>15.517.060.899</u>	<u>9.620.182.336</u>

**25 CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	<b>2017</b> <b>VND</b>	<b>2016</b> <b>VND</b>
Chi phí lương	98.874.000	161.602.500
Chi phí tiếp thị	26.625.452.217	19.163.220.180
Chi phí khấu hao	320.199.006	393.448.992
Chi phí dịch vụ mua ngoài	177.864.531	1.696.659.990
Chi phí phân bổ	42.902.280	40.628.906
	<u>27.265.292.034</u>	<u>21.455.560.568</u>

**26 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	<b>2017</b> <b>VND</b>	<b>2016</b> <b>VND</b>
Chi phí lương	3.140.964.030	6.767.301.878
Chi phí phân bổ	3.064.818.139	5.145.905.513
Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.721.099.831	15.148.448.287
Chi phí khấu hao	67.443.960	186.152.611
	<u>19.994.325.960</u>	<u>27.247.808.289</u>

**27 THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Số thuế trên lợi nhuận kế toán trước thuế của Công ty khác với số thuế khi được tính theo thuế suất áp dụng 20% và được thể hiện như sau:

	<b>2017</b> <b>VND</b>	<b>2016</b> <b>VND</b>
Lợi nhuận kế toán trước thuế	31.855.403.373	23.062.375.245
Thuế tính ở thuế suất 20%	6.371.080.675	4.612.475.049
Điều chỉnh:		
Thu nhập không chịu thuế	(6.925.813.881)	(1.716.416.042)
Chi phí không được khấu trừ	129.285.490	83.263.230
Dự phòng thiếu của năm trước	-	87.111.382
Chi phí thuế TNDN (*)	<u>(425.447.716)</u>	<u>3.066.433.619</u>
Chi phí thuế TNDN ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng:		
Thuế TNDN - hiện hành	217.030.016	3.040.722.060
Thuế TNDN - hoãn lại (Thuyết minh 17)	(642.477.733)	25.711.558
	<u>(425.447.717)</u>	<u>3.066.433.618</u>

(\*) Chi phí thuế TNDN cho năm tài chính được ước tính dựa vào thu nhập chịu thuế và có thể có những điều chỉnh tùy thuộc vào sự kiểm tra của cơ quan thuế.

**28 CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	<b>2017</b> <b>VND</b>	<b>2016</b> <b>VND</b>
Chi phí sản xuất chương trình	74.057.023.216	191.929.005.455
Chi phí dịch vụ mua ngoài	40.524.416.579	36.008.328.457
Chi phí khấu hao TSCĐ	387.642.966	579.601.603
Chi phí phân bổ công cụ	3.107.720.419	5.186.534.419
Chi phí nhân công	3.932.757.600	11.950.868.704
	<u>122.009.560.780</u>	<u>245.654.338.638</u>



**30 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong năm Công ty có giao dịch và số dư với các bên liên quan là cổ đông Công ty và các công ty con.

**(a) Giao dịch với các bên liên quan**

Trong năm, các giao dịch chủ yếu sau đây được thực hiện với các bên liên quan:

	<b>2017</b> <b>VND</b>	<b>2016</b> <b>VND</b>
<b><i>i) Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</i></b>		
Công ty Cổ phần Giải trí Yeah1	60.318.181.818	72.447.203.007
Công ty Cổ phần NVU	15.800.000.000	44.618.182.919
Công ty Cổ phần Giải trí Ròng	-	7.576.856.768
Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất phim Yeah1	6.345.173.455	602.318.182
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Việt Nam Trực Tuyến	347.181.821	301.295.454
Công ty Cổ phần Thương mại Thế Giới Film	759.818.181	48.000.000
	<u>83.570.355.275</u>	<u>125.593.856.330</u>
<b><i>ii) Mua hàng hóa và dịch vụ</i></b>		
Công ty Cổ phần Giải trí Yeah1	2.487.287.273	20.310.013.132
Công ty Cổ phần Giải trí Ròng	2.491.243.636	28.780.160.809
Công ty Cổ phần Thương mại Thế Giới Film	-	3.800.000.000
Công ty Cổ phần Phát triển Thương hiệu Yeah1	9.545.454.546	-
	<u>14.523.985.455</u>	<u>52.890.173.941</u>
<b><i>iii) Các khoản chi cho các nhân sự quản lý chủ chốt</i></b>		
Lương và các quyền lợi gộp khác	<u>1.139.516.000</u>	<u>824.168.000</u>
<b><i>iv) Góp vốn</i></b>		
Công ty Cổ phần Truyền thông Trực Tuyến NetLink	86.344.882.866	-
Công ty Cổ phần Truyền thông ON+	5.100.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Và Sản xuất Phim Yeah1	-	3.780.000.000
	<u>91.444.882.866</u>	<u>3.780.000.000</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1**  
(Tên trước đây là Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Sứ Trẻ)

Mẫu số B 09 – DN

**30 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

**(a) Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)**

*v) Chi trả cổ tức*

	<b>2017</b>	<b>2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
DFJ VinaCapital Venture Investment Ltd	-	1.671.046.504

*vi) Thu nhập cổ tức*

	<b>2017</b>	<b>2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty Cổ phần Giải trí Yeah1	2.773.203.411	2.493.168.403
Công ty Cổ phần Giải trí Rồng	1.337.062.340	863.708.995
Công ty Cổ phần NVU	29.169.691.983	-
Công ty Cổ phần Phát triển Thương hiệu Yeah1	1.349.111.672	5.225.202.813
	<u>34.629.069.406</u>	<u>8.582.080.211</u>

**(b) Số dư cuối năm với các bên liên quan**

	<b>2017</b>	<b>2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh 5)</b>		
Công ty Cổ phần NVU	20.546.050.000	45.739.800.000
Công ty Cổ phần Giải trí Yeah1	16.185.000.000	22.427.015.409
Công ty Cổ phần Giải trí Rồng	-	8.334.542.445
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Việt Nam Trực Tuyến	704.645.457	331.425.000
Công ty Cổ phần Phát triển Thương hiệu Yeah1	6.979.690.800	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Và Sản xuất phim Yeah1	81.650.000	151.300.000
	<u>44.497.036.257</u>	<u>76.984.082.854</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1**  
(Tên trước đây là Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Sứ Trẻ)

Mẫu số B 09 – DN

**30 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

**(b) Số dư cuối năm với các bên liên quan (tiếp theo)**

	2017 VND	2016 VND
<b>Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh 6(a))</b>		
Công ty Cổ phần Giải trí Rồng	3.873.841.174	1.779.847.464
Ông Võ Thái Phong	7.135.444.353	7.214.456.098
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Việt Nam Trực Tuyến	-	11.445.918.526
Công ty Cổ phần Giải Trí Yeah1	2.773.203.411	-
Công ty Cổ phần Phát triển Thương hiệu Yeah1	1.349.111.672	1.190.295.534
Công ty Cổ phần NVU	29.212.501.869	-
Công ty TNHH Quảng cáo Truyền thông TNT	4.896.000.000	-
Ông Nguyễn Ảnh Nhượng Tổng	-	4.438.745.099
	<u>49.240.102.479</u>	<u>26.069.262.721</u>
<b>Phải thu dài hạn khác (Thuyết minh 6(b))</b>		
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Việt Nam Trực Tuyến	8.000.000.000	-
Ông Võ Thái Phong	4.176.712.328	-
	<u>12.176.712.328</u>	<u>-</u>
<b>Phải thu về cho vay dài hạn (Thuyết minh 9)</b>		
Ông Võ Thái Phong	35.864.555.647	-
	<u>35.864.555.647</u>	<u>-</u>
<b>Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh 12)</b>		
Công ty Cổ phần Giải trí Rồng	3.669.818	17.377.833.916
Công ty Cổ phần Giải trí Yeah1	28.362.426.663	31.962.396.263
Công ty Cổ phần Thương mại Thế Giới Film	3.990.000.000	3.990.000.000
Công ty Cổ phần Phát triển Thương hiệu Yeah1	5.049.048.000	-
	<u>37.405.144.481</u>	<u>53.330.230.179</u>
<b>Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh 15)</b>		
Công ty Cổ phần Giải trí Yeah1	16.200.239	42.302.450.240
Công ty Cổ phần NVU	-	4.399.896.614
Công ty Cổ phần Thương mại Thế Giới Film	4.331.583.152	4.331.583.152
Công ty Cổ phần Dịch Vụ Thương mại Việt Nam Trực Tuyến	4.145.370	-
Công ty Cổ phần Truyền thông Trực tuyến Netlink	7.447.882.866	-
Công ty Cổ phần Phát triển Thương hiệu Yeah1	7.365.375.812	-
	<u>19.165.187.439</u>	<u>51.033.930.006</u>



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1**  
 (Tên trước đây là Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Sứ Trẻ)

Mẫu số B 09 – DN

**31 CÁC KHOẢN CAM KẾT**

**(a) Thuê hoạt động**

Công ty phải trả mức tối thiểu cho các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang trong tương lai như sau:

	<b>Thuê văn phòng</b>		<b>Chi phí thuê kênh</b>		<b>Tổng cộng</b>	
	<b>2017</b> <b>VND</b>	<b>2016</b> <b>VND</b>	<b>2017</b> <b>VND</b>	<b>2016</b> <b>VND</b>	<b>2017</b> <b>VND</b>	<b>2016</b> <b>VND</b>
Dưới 1 năm	5.094.595.562	4.166.441.333	24.200.000.000	46.880.000.000	29.294.595.562	51.046.441.333
Từ 1 đến 5 năm	35.732.911.622	42.301.278.667	6.050.000.000	57.466.000.000	41.782.911.622	99.767.278.667
<b>Tổng cộng các khoản thanh toán tối thiểu</b>	<b>40.827.507.184</b>	<b>46.467.720.000</b>	<b>30.250.000.000</b>	<b>104.346.000.000</b>	<b>71.077.507.184</b>	<b>150.813.720.000</b>

**31 CÁC KHOẢN CAM KẾT (tiếp theo)**

**(b) Góp vốn vào công ty con**

	<b>2017</b> <b>VND</b>	<b>2016</b> <b>VND</b>
Công ty Cổ phần NVU	18.450.830.000	18.450.830.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Và Sản xuất phim Yeah1	1.600.000.000	1.600.000.000
Công ty Cổ phần Phát triển Thương hiệu Yeah1	12.665.873.751	12.665.873.751
Công ty Cổ phần SMB	9.900.000.000	
	<u>42.616.703.751</u>	<u>32.716.703.751</u>

**32 SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM**

**(a) Nhận chuyển nhượng nhóm Công ty Cổ phần Công nghệ và Truyền thông ADSBNC và Công ty Cổ phần Công Nghệ và Dược Phẩm Trí Tâm**


Trong tháng 1 năm 2018, Hội đồng Quản trị đã thông qua quyết định mua lại 51% vốn điều lệ của nhóm Công ty Cổ phần Công nghệ và Truyền thông ADSBNC và Công ty Cổ phần Công Nghệ và Dược Phẩm Trí Tâm. Tại ngày phê duyệt báo cáo tài chính riêng này, thủ tục chuyển nhượng cổ phần đang được tiến hành.

**(b) Nhận chuyển nhượng thêm 25% vốn cổ phần của Công ty Cổ phần Truyền thông Trực tuyến Netlink ("Netlink Việt Nam")**

Trong tháng 1 năm 2018, Hội đồng Quản trị đã thông qua quyết định mua thêm 25% vốn điều lệ của Netlink Việt Nam, nâng tỷ lệ quyền sở hữu và biểu quyết tại công ty này từ 51% lên 76%. Giá chuyển nhượng phụ thuộc vào kết quả hoạt động kinh doanh năm 2017 đã được kiểm toán của Netlink Việt Nam. Tại ngày phê duyệt báo cáo tài chính riêng này, Công ty đã trả trước tiền cọc là 20 tỷ đồng cho cổ đông của Netlink Việt Nam và thủ tục chuyển nhượng cổ phần đang được tiến hành.

Báo cáo tài chính riêng của Công ty đã được Chủ tịch HĐQT phê duyệt ngày 9 tháng 4 năm 2018.

  
Trần Thị Lào  
Kế toán trưởng/Người lập

  
Võ Thái Phong  
Giám đốc Tài chính

  
Nguyễn Ánh Nhượng Tổng  
Chủ tịch HĐQT

